

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIO LINH
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS-ST.
Ngày 19/01/2024.
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIO LINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nhan Ngọc Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Cúc và ông Cỏ Thế Chung.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gio Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Gio Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2023/TLST - DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng N1.

Địa chỉ: Số B đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Công N, Phó Giám đốc Ngân hàng A1 chi nhánh huyện G, tỉnh Quảng Trị - là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 56/QĐ-NHNo.GL-TH ngày 18/01/2023).

Bị đơn: Ông Trần Ngọc A, sinh năm 1963 và bà Trần Thị T, sinh năm 1967. Cùng trú tại địa chỉ: Thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/7/2018, Ngân hàng A1 chi nhánh huyện G, tỉnh Quảng Trị đã ký hợp đồng tín dụng số 3905-LAV-201802941 với ông Trần Ngọc A và bà Trần Thị T, theo đó nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 79.000.000 đồng, giải ngân ngày 18/12/2020, thời hạn vay 03 năm, lãi suất vay 10,5%/năm nhằm mục đích sửa chữa nhà ở, kỳ hạn trả nợ gốc được chia thành 03 kỳ, kỳ trả nợ lãi 06 tháng 01 lần vào ngày 30, kỳ đầu tiên vào ngày 30/3/2021, kỳ cuối cùng ngày 30/11/2023.

Quá trình vay, ông A, bà T đã thanh toán tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi 14.897.317 đồng. Từ ngày 30/11/2022 đến nay, bị đơn đến hạn trả nợ gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh nhưng bị đơn không thanh toán. Do ông A, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hợp đồng trên nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ tiền nợ gốc, nợ lãi đến ngày 19/01/2024 là 76.854.712 đồng, trong đó nợ gốc 69.000.000 đồng; lãi 7.854.712 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/01/2024 trở đi phát sinh trên khoản nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Gio Linh thụ lý vụ án, bị đơn đã thanh toán 5.500.000 đồng tiền gốc và một phần tiền lãi, nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền là 73.632.113 đồng, trong đó nợ gốc là 63.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 8.817.558 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 19/01/2024 là 1.314.555 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/01/2024 trở đi phát sinh trên khoản nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết. Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 3.222.599 đồng.

Về phía bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bị đơn không có ý kiến liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn cũng như không tham gia vào các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; người tham gia tố tụng là đúng quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, trong quá trình tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227 BLTTDS, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 73.632.113 đồng, trong đó nợ gốc là 63.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 8.817.558 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 19/01/2024 là 1.314.555 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/01/2024 trở đi phát sinh trên khoản nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền là 3.222.599 đồng. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi đến ngày 19/01/2024 là 76.854.712 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/01/2024 trở đi phát sinh trên khoản nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn ông **Trần Ngọc A** và bà **Trần Thị T** có nơi cư trú tại địa chỉ: **Thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Gio Linh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3]. *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Gio Linh đã cấp tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của BLTTDS nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4]. Về nội dung vụ án:

[4.1] Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn: Ngày 26/7/2018, **Ngân hàng A1 chi nhánh huyện G, tỉnh Quảng Trị** đã ký hợp đồng tín dụng số 3905-LAV-201802941 với ông **Trần Ngọc A** và bà **Trần Thị T**, theo đó nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 79.000.000 đồng, giải ngân ngày 18/12/2020, thời hạn vay 03 năm, lãi suất vay 10,5%/năm nhằm mục đích sửa chữa nhà ở, kỳ hạn trả nợ gốc được chia thành 03 kỳ, kỳ trả nợ lãi 06 tháng 01 lần vào ngày 30, kỳ đầu tiên vào ngày 30/3/2021, kỳ cuối cùng ngày 30/11/2023.

Xét thấy, chủ thể tham gia ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự,

các bên tham gia ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của Hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 177 BLDS thì hợp đồng tín dụng số 3905-LAV-201802941 ngày 26/7/2018 ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn có hiệu lực pháp luật.

[4.2] Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ngày 18/12/2020, nguyên đơn đã giải ngân số tiền 79.000.000 đồng cho nguyên đơn. Như vậy, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc là 10.000.000 đồng và 14.897.317 tiền lãi. Từ ngày 30/11/2022 cho đến nay, bị đơn không thanh toán số tiền gốc và tiền lãi theo đúng Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 18/12/2020. Như vậy, bị đơn đã vi phạm khoản 3 Điều 4 hợp đồng tín dụng số 3905-LAV-201802941 ngày 26/7/2018, điều khoản hợp đồng quy định: “3. *Kỳ hạn trả nợ gốc, trả lãi thực hiện theo Phụ lục kèm theo hoặc theo từng giấy nhận nợ*”.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, cần áp dụng Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 73.632.113 đồng, trong đó nợ gốc là 63.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 8.817.558 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 19/01/2024 là 1.314.555 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/01/2024 trở đi phát sinh trên khoản nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký kết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 3.222.599 đồng. Xét thấy, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 3.222.599 đồng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn.

[5]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 159, khoản 1 và khoản 2 Điều 192; Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 90, Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử :

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bị đơn ông **Trần Ngọc A** và bà **Trần Thị T** phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 73.632.113 đồng, trong đó nợ gốc là 63.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 8.817.558 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 19/01/2024 là 1.314.555 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/01/2024 trở đi phát sinh trên khoản nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 3905-LAV-201802941 ngày 26/7/2018.

[2]. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền là 3.222.599 đồng của nguyên đơn.

[3]. Về án phí: Bị đơn ông **Trần Ngọc A** và bà **Trần Thị T** phải chịu 3.681.605 đồng án phí DSST.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho **Ngân hàng N1** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.931.367 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/2023, số 0000033 ngày 02/11/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gio Linh.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Gio Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Gio Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nhan Ngọc Đăng

